

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒA VANG
TP. ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2024/DS-ST

Ngày: 31/01/2024

*V/v “Tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất
và yêu cầu tháo dỡ công trình xây dựng trên đất”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA VANG – TP. ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Thanh Phúc

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Lê Thị Hồng

- Ông Tân Nghị

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Đình Nam – Cán bộ Tòa án

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng
tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nghiệp, chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 31/01/2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố
Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 184/2022/TLST-DS
ngày 28 tháng 12 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/QĐXXST-
DS ngày 10 tháng 01 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2024/QĐST –
DS ngày 22/01/2024 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị C, sinh năm: 1954; Địa chỉ: Thôn Hòa
Khương Đông, xã Hòa Nhơn, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. Có mặt

*** Bị đơn:** Ông Nguyễn Đức T, sinh năm 1977; Địa chỉ: Thôn Hòa Khương
Đông, xã Hòa Nhơn, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. Có mặt

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Bà Lê Thị M, sinh năm: 1975. Địa chỉ: Thôn M, xã N, huyện P, thành
phố Đà Nẵng. Có mặt.

- Ông Nguyễn Đức V, sinh năm: 2003. Địa chỉ: Thôn M, xã N, huyện P,
thành phố Đà Nẵng. Có mặt

- Cháu Nguyễn Thị Thanh H, sinh ngày: 29/05/2006. Trú tại: Thôn M, xã
N, huyện P, thành phố Đà Nẵng. Người đại diện theo pháp luật là cha mẹ ruột
ông Nguyễn Đức T và bà Lê Thị M.

NHẬN THẤY:

*** Theo đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 10/10/2022 cũng như quá
trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị C trình bày:**

Cha mẹ bà là ông Nguyễn Đức Th và bà Lê Thị Ng (đã chết) có một mảnh
đất có diện tích 617 m², thuộc thửa đất số 505, tờ bản đồ số 8 tại địa chỉ xã Hòa
Nhơn, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng (đã được cấp Giấy chứng nhận quyền
sử dụng đất số: H 625595 do UBND huyện Hòa Vang cấp ngày 05/3/1996 cho hộ

Nguyễn Thị C). Sau đó bà mới xây dựng ngôi nhà bằng tre để ở một thời gian. Đến năm 2006 thì nhà nước cho bà tiền xây nhà cấp 4 có bằng tên “Nhà tình thương”.

Từ năm 2002 thì ông Nguyễn Đức T có xuống nhà bà và không có sự đồng ý của bà mà ông T tự ý đổ gạch làm nhà trên đất của bà. Bà có đôi gạch đi, không cho ông T làm nhà nhưng không được. Trong quá trình đó, ông T có đề cập đến việc mua đất và trả tiền mua đất cho bà nhưng mãi đến hôm nay ông T vẫn không trả tiền mua đất cho bà mà còn có hành vi quấy phá bà.

Bà C trình bày năm 2002 khi ông T đổ vật liệu để xây dựng nhà thì bà không đồng ý, nhưng cũng không có đơn từ gì gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền để can thiệp vì ông T có nói với bà C là bán đất bao nhiêu thì ông T mua lại nhưng bà C chờ mãi không thấy ông tỉnh đưa tiền cho đến nay vì ông T với bà C có quan hệ là cô cháu ruột.

Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Đức T và vợ là bà Lê Thị M tháo dỡ nhà ở trên đất có diện tích là 196 m² là nhà cấp 4 làm bằng gạch xi măng (nằm trong phần đất có diện tích 617 m² thửa số 505, tờ bản đồ số 8 tại địa chỉ: Xã Hòa Nhơn, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 625595 do UBND huyện Hòa Vang cấp ngày 03/3/1996 cho hộ Nguyễn Thị C).

2. Tại biên bản hoà giải ngày 13/02/2023 bị đơn ông Nguyễn Đức T trình bày:

Năm 2002 bà Nguyễn Thị C có thỏa thuận bán cho ông T một thửa đất làm nhà có diện tích khoảng 250m² nằm trong phần đất có diện tích 617 m² thửa số 505, tờ bản đồ số 8, tại địa chỉ: Xã Hòa Nhơn, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 625595 do UBND huyện Hòa Vang cấp ngày 03/3/1996 cho hộ Nguyễn Thị C nhưng chỉ thỏa thuận bằng miệng. Ông Tỉnh nghĩ bà Cặp không chồng, không con nên ông yên tâm làm nhà trên đất và cùng vợ con ở, sinh sống cũng từ năm 2003 cho đến nay. Nhưng nay vì bất đồng quan điểm nên bà C đòi lại đất đã bán. Ông T xác định giữa ông và bà C thỏa thuận mua bán diện tích đất mà ông đã làm nhà 250m² với giá mấy chục triệu gì đó, vì lâu quá nên ông không nhớ và đến nay cũng chưa đưa tiền cho bà C.

Nay bà C khởi kiện yêu cầu ông Tỉnh trả lại phần đất đã làm nhà trên đất thì ông T không đồng ý mà có nguyện vọng được mua lại phần đất đó theo giá đất của nhà nước.

Ngày 13/02/2023 bị đơn ông Nguyễn Đức T có đơn yêu cầu phản tố yêu cầu Tòa án công nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở có diện tích khoảng 250m² nằm trong thửa số 505, tờ bản đồ số 8 tại địa chỉ: Xã Hòa Nhơn, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 625595 do UBND huyện Hòa Vang cấp ngày 03/3/1996 cho hộ Nguyễn Thị Cặp.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị M trình bày:

Bà thống nhất với lời trình bày của ông T, không bổ sung gì thêm. Nay bà C khởi kiện yêu cầu ông T trả lại phần đất đã làm nhà trên đất thì vợ chồng

bà không đồng ý mà có nguyện vọng được mua lại phần đất đó theo giá đất của nhà nước.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng phát biểu quan điểm: Về chấp hành pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án, thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã chấp hành đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự trong vụ án cũng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn mà chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn công nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở cho vợ chồng ông T, bà M đang sử dụng là 266.7m² trong đó có 82.2m² diện tích xây dựng nhà ở theo kết quả đo đạc của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường Đà Nẵng nằm trong thửa số 505, tờ bản đồ số 8 tại địa chỉ: Xã Hòa Nhơn, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 625595 do UBND huyện Hòa Vang cấp ngày 03/3/1996 cho hộ Nguyễn Thị Cặp. Đối với thỏa thuận mua bán đất giữa bà C và ông T mặc dù các bên không thỏa thuận về giá bán và thực tế ông T, bà M chưa trả cho bà C được một khoản tiền nào từ trước đến nay, nhưng bà C từ đó đến nay cũng không có đơn đốc hay yêu cầu ông T, bà M tiền mua đất. Do đó, cần xác định bà C và vợ chồng ông T, bà M có lỗi như nhau trong việc thanh toán tiền mua đất nên buộc ông T, bà M phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị C số tiền mua đất là: 506.463.500 đồng theo chứng thư thẩm định giá số 112/CT – TĐG – DNVC ngày 02/11/2023 của Công ty TNHH thẩm định giá Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, phát biểu quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị C khởi kiện yêu đòi lại quyền sử dụng đất và yêu cầu tháo dỡ công trình xây dựng trên đất có địa chỉ: Xã Hòa Nhơn, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Đức T có đơn yêu cầu phản tố. Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án không có yêu cầu độc lập.

[2] Xét nội dung vụ án:

Bà Nguyễn Thị C là chủ sử dụng quyền sử dụng đất có diện tích 617 m², thuộc thửa đất số 505, tờ bản đồ số 8 tại địa chỉ xã Hòa Nhơn, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng (đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 625595 do UBND huyện Hòa Vang cấp ngày 05/3/1996 cho hộ Nguyễn Thị Cặp).

Năm 2002 vợ chồng ông Nguyễn Đức T và bà Lê Thị M, ông T là cháu ruột

của bà C tiến hành xây dựng một ngôi nhà có kết cấu như hiện nay là một ngôi nhà cấp 3, tường xây, nền lát gạch hoa, mái tôn, bếp, phòng ngủ, phòng khách, hiên nhà và bao quanh bằng hàng rào trụ bê tông và lưới B40, diện tích xây dựng là 82.2m² và diện tích gia đình ông T đang sử dụng là 266.7m² theo kết quả đo đạc của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường Đà Nẵng nằm trong thửa đất số 505, tờ bản đồ số 8 tại địa chỉ xã Hòa Nhơn, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

[3] Quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị C và ông Nguyễn Đức T thừa nhận bà Nguyễn Thị C là phụ nữ đơn thân không có chồng, không có con và sống một mình trên thửa đất số 505, tờ bản đồ số 8 tại địa chỉ xã Hòa Nhơn, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. Năm 2002 là chỗ cô cháu ruột với nhau nên bà C có thoả thuận bán cho ông T một phần diện tích đất trên để cho ông T xây dựng nhà ở. Việc thoả thuận mua bán đất không có giấy tờ, không thoả thuận giá cả và ông T cũng chưa đưa cho bà C tiền mua bán đất. Sau đó ông T tiến hành xây dựng nhà có kết cấu như biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ của Tòa án ngày 27/02/2023 và sống cả gia đình từ năm 2002 cho đến nay.

Nay bà C yêu cầu ông T, bà M phải trả lại phần diện tích đất đang ở và tháo dỡ công trình trên đất để trả lại cho bà C. Ông T có yêu cầu phản tố yêu cầu Tòa án công nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở đối với phần diện tích ông T và gia đình đang ở và quản lý.

[4] Nhận thấy năm 2002 giữa bà C và ông T có thoả thuận việc mua bán đất là có trên thực tế, việc mua bán đất giữa các bên không lập hợp đồng theo đúng quy định pháp luật, không có thoả thuận về giá bán và thực tế ông T cũng chưa trả cho bà C một khoản tiền nào điều này được các bên đương sự thừa nhận trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Tuy việc mua bán đất trên không đảm bảo về hình thức và nội dung của luật đất đai và các quy định của pháp luật nhưng thực tế ông T và bà M đã quản lý, sử dụng, đóng thuế đất từ đó đến nay.

Việc ông T, bà M tiến hành xây dựng nhà, quản lý, sinh sống từ năm 2002 cho đến nay là được sự đồng ý của bà C thể hiện bà C cũng sinh sống kế bên cùng trên thửa đất nhưng bà C không có khiếu nại hay cản trở việc ông T, bà M xây dựng nhà và sinh sống liên tục ổn định và đóng thuế nhà đất cho đến nay nên cần chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở mà ông T, bà M đang sử dụng là 266.7m², trong đó có 82.2m² diện tích xây dựng nhà ở theo kết quả đo đạc của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường Đà Nẵng nằm trong thửa số 505, tờ bản đồ số 8 tại địa chỉ: Xã Hòa Nhơn, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H 625595 do UBND huyện Hòa Vang cấp ngày 03/3/1996 cho hộ Nguyễn Thị Cặp là phù hợp với tình thành của Án lệ số 04/2016/AL được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 06/04/2016 và Án lệ số 15/2017/AL được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 14/12/2017. Từ phân tích trên nên đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không có cơ sở để chấp nhận.

[5] Đối với thoả thuận mua bán đất giữa bà C và ông T tại phiên tòa các đương sự không xác định là mua đất với giá bao nhiêu nhưng có việc nói mua

bán. Thực tế ông T, bà M chưa trả cho bà Cặp được một khoản tiền nào hết, nhưng bà C từ đó đến nay cũng không có đơn đốc hay yêu cầu ông T, bà M trả tiền mua đất. Do đó, cần xác định bà C và vợ chồng ông T có lỗi như nhau trong việc thanh toán tiền mua đất. Tại chứng thư thẩm định giá số 112/CT – TĐG –DNVC ngày 02/11/2023 của Công ty TNHH thẩm định giá Đà Nẵng thì 266,7m² đất có giá trị là: 1.012.927.000 đồng (3.798.000 đồng/m²). Các đương sự tại phiên toà không có ý kiến về kết quả định giá, do các bên có lỗi như nhau trong việc thanh toán tiền mua đất nên cần buộc ông Nguyễn Đức Tinh và bà Lê Thị M phải trả cho bà Nguyễn Thị C số tiền: 1.012.927.000 đồng : 2 = 506.463.500 đồng.

[2.7] Về chi phí tố tụng:

Đối với số tiền: 2.732.000 đồng chi phí đo đạc theo hóa đơn số 00000997 ngày 13/06/2023 ông Nguyễn Đức T và bà Lê Thị M tự nguyện chịu (đã thu và đã chi).

Đối với số tiền 14.000.000 đồng chi phí định giá theo phiếu thu ngày 06/01/2023. Do không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên nguyên đơn bà Nguyễn thị C phải chịu (đã thu và đã chi).

[3] Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: Do không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên nguyên đơn bà Nguyễn Thị C phải chịu 300.000 đồng và phải chịu 300.000 đồng do chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn.

Ông Nguyễn Đức T và bà Lê Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm: 24.258.540 đồng trên số tiền phải trả cho bà Nguyễn Thị C.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng: Điểm b khoản 1 Điều 127 Luật đất đai 2003 (tương ứng khoản 3 Điều 167 Luật đất đai 2013; Khoản 1 Điều 106 Luật đất đai năm 2003 (tương ứng điểm a khoản 1 Điều 188 Luật đất đai 2013).

- Áp dụng: Điều 116, 117, 118, 119, 280, 468, 500, 501, 502, 503 Bộ luật dân sự 2015.

- Căn cứ Án lệ số 04/2016/AL được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 06/04/2016 và Án lệ số 15/2017/AL được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 14/12/2017.

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc " Tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất và yêu cầu tháo dỡ công trình xây dựng trên đất " của bà Nguyễn Thị C đối với ông Nguyễn Đức T, bà Lê Thị M.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Nguyễn Đức T đối với nguyên

đơn bà Nguyễn Thị C: Công nhận ông Nguyễn Đức Tinh và bà Lê Thị Minh được quyền sử dụng và quyền sở hữu nhà ở đối với phần diện tích đất ở 266.7m² trong đó có 82.2m² diện tích xây dựng nhà ở (Có sơ đồ kèm theo) nằm trong thửa số 505, tờ bản đồ số 8 tại địa chỉ: Xã Hòa Nhơn, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 625595 do UBND huyện Hòa Vang cấp ngày 03/3/1996 cho hộ Nguyễn Thị C. Có tứ cận như sau:

- Phía tây giáp đường bê tông 2.5m
- Phía nam giáp với nhà bà Nguyễn Thị C
- Phía đông giáp với đất ông Nguyễn Đức C
- Phía bắc giáp với nhà bà Nguyễn Thị Ph.

Trách nhiệm thanh toán: Buộc ông Nguyễn Đức T và bà Lê Thị M phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị C số tiền: 506.463.500 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Ông Nguyễn Đức T và bà Lê Thị M có quyền và nghĩa vụ liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để hoàn tất thủ tục sang tên đối phần diện tích được công nhận theo quy định pháp luật.

Trường hợp người đang nắm giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 625595, thửa số 505, tờ bản đồ số 8 tại địa chỉ: Xã Hòa Nhơn, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng do UBND huyện Hòa Vang cấp ngày 03/3/1996 cho hộ Nguyễn Thị C không giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người được giao quyền sử dụng đất, sở hữu nhà và tài sản trên đất đi làm thủ tục sang tên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì người được giao quyền sử dụng đất, sở hữu nhà và tài sản trên đất được quyền tự liên hệ với cơ quan nhà nước để được sang tên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

3. Về chi phí tố tụng:

Đối với số tiền: 2.732.000 đồng chi phí đo đạc theo hóa đơn số 00000997 ngày 13/06/2023 ông Nguyễn Đức T và bà Lê Thị M tự nguyện chịu (đã thu và đã chi).

Đối với số tiền 14.000.000 đồng chi phí định giá theo phiếu thu ngày 06/011/2023. Do không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên nguyên đơn bà Nguyễn Thị C phải chịu (đã thu và đã chi).

4. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: Do không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên nguyên đơn bà Nguyễn Thị C phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự 300.000 đồng bà Nguyễn Thị C đã nộp tại biên lai thu số 0009037 ngày 22/12/2022 tại Chi Cục thi hành án dân sự huyện Hoà Vang, thành phố Đà Nẵng. Bà Nguyễn Thị C còn phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Đức T và bà Lê Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm: 24.258.540 đồng nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí ông Nguyễn Đức T đã nộp theo biên lai thu số: 0009154 ngày 02.03.2023 tại Chi

cục thi hành án dân sự huyện Hoà Vang, thành phố Đà Nẵng. Ông Nguyễn Đức Tỉnh và bà Lê Thị M còn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm: 23.958.540 đồng.

5. Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, TP Đà Nẵng.
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòa Vang, TP Đà Nẵng.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

TRƯƠNG THANH PHÚC

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tán Nghị Lê Thị Hồng

Trương Thanh Phúc

